

DẠY HỌC TRỰC TUYẾN TUẦN LỄ 17/2 – 27/2

MÔN: ĐỊA LÍ – KHỐI 11

CHỦ ĐỀ: NHẬT BẢN

NỘI DUNG 1: TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. Điều kiện tự nhiên:

- Đất nước quần đảo, nằm ở Đông Á, dài trên 3800 km.
- Gồm 4 đảo lớn và hàng nghìn đảo nhỏ.
- Có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau → nhiều ngư trường lớn.
- Địa hình chủ yếu đồi núi; sông ngắn, dốc; bờ biển nhiều vũng, vịnh; đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.
- Khí hậu gió mùa, thay đổi từ Bắc xuống Nam.
- Nghèo khoáng sản, đáng kể chỉ có than đá, đồng, ...

II. Dân cư:

- Là nước đông dân, tập trung ở ven biển.
- Tốc độ gia tăng dân số thấp và giảm dần.
- Tỷ lệ người già ngày càng lớn → thiếu nguồn lao động, sức ép lớn đến KT - XH.
- Lao động cần cù, tính kỉ luật và tinh thần trách nhiệm cao, coi trọng giáo dục.

III. Tình hình phát triển kinh tế:

1. Giai đoạn 1950 - 1973:

a/. Tình hình:

- Nhanh chóng khôi phục nền kinh tế suy sụp nghiêm trọng sau chiến tranh (1952) và phát triển cao độ (1955 – 1973).
- Tốc độ tăng trưởng cao.

b/. Nguyên nhân:

- Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghiệp, tăng vốn, áp dụng kĩ thuật mới.
- Tập trung cao độ phát triển các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn.
- Duy trì cơ cấu kinh tế 2 tầng.

2. Giai đoạn 1973 – 2005:

- 1973 – 1974 và 1979 – 1980, tốc độ tăng trưởng giảm (2,6% - 1980), do khủng hoảng dầu mỏ.
- 1986 – 1990, tăng 5,3% do điều chỉnh chiến lược phát triển.
- Từ năm 1991, tốc độ tăng trưởng chậm lại.
- Đứng thứ hai thế giới về kinh tế, tài chính.

NỘI DUNG 2: CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ

I. Các ngành kinh tế:

1. Công nghiệp:

- Đứng thứ 2 thế giới sau Hoa Kỳ.
- Các ngành chính: (Bảng 9.4 SGK/79)
- Mức độ tập trung cao, nhiều nhất là trên đảo Hôn-su. Các trung tâm công nghiệp tập trung chủ yếu ở ven biển, đặc biệt phía Thái Bình Dương.

2. Dịch vụ:

- Thương mại, tài chính là 2 ngành có vai trò to lớn.
- Thương mại đứng thứ 4 thế giới. Bạt hàng ở khắp nơi, quan trọng nhất là: Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Đông Nam Á...
- GTVT biển đứng thứ 3 thế giới, các hải cảng lớn: Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Ô-xa-ca.
- Ngành tài chính, ngân hàng đứng hàng đầu thế giới.

3. Nông nghiệp:

a/. Đặc điểm:

- Giữ vai trò thứ yếu (1% trong GDP).
- Đất nông nghiệp ít (14% lãnh thổ).
- Phát triển theo hướng thâm canh.

b/. Sản phẩm:

- Trồng trọt: lúa gạo, chè, thuốc lá, dâu tằm.
- Chăn nuôi: bò, lợn, gà.
- Đánh bắt hải sản: cá thu, cá ngừ, tôm, cua.
- Nuôi trồng hải sản: tôm, sò, ốc, rau câu, trai lấy ngọc.

NỘI DUNG 3: Thực hành: TÌM HIỂU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN

📌 Bài tập 1: Vẽ biểu đồ thể hiện giá trị xuất nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm.

- GV hướng dẫn HS cách vẽ biểu đồ cột và yêu cầu HS thực hành vẽ hoàn chỉnh biểu đồ theo yêu cầu.

📌 Bài tập 2: Nhận xét hoạt động kinh tế đối ngoại.

- GV yêu cầu học sinh thảo luận và rút ra các đặc điểm khái quát về kinh tế đối ngoại Nhật Bản.

*** BÀI TẬP ÔN LUYỆN:**

- Làm bài tập 3 SGK/78.
- Tìm hiểu những thành tựu thần kì của nền KT Nhật Bản? (Có thể lựa chọn một ngành nổi bật và một hãng nổi tiếng, tìm những tài liệu có liên quan đến ngành đó, hãng đó từ sách, báo, Internet, TV, Radio, ...).
- Làm bài tập 3 SGK/83.

*** ĐỀ KIỂM TRA CUỐI CHỦ ĐỀ:**

Học sinh hoàn tất cá nhân 2 bài tập thực hành của nội dung 3 vào giấy đôi, nộp lại cho GVBM khi đi học lại.

(Yêu cầu làm bài nghiêm túc ra giấy đôi, mỗi học sinh một bài và tuyệt đối không làm bài giống nhau. Nếu phạm quy sẽ xử lý đúng theo quy định.)